

TP.HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Số: 540 /PCTT-VPĐK-ĐK

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI ĐỐI VỚI
22 HỒ SƠ KHU NHÀ Ở CAO TẦNG TÂN KIẾNG QUẬN 7 (NAY LÀ
PHƯỜNG TÂN HƯNG) THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI (theo danh sách đính kèm 22 hồ sơ) 1.1. Mã hồ sơ: Biên nhận số 1197, 1201, 1202, 1204, 1207, 1209, 1210, 1212 – 1214, 1217, 1224, 1225, 1227, 1229, 1231, 1234 – 1239. 1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: 22/01/2021.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: (theo danh sách đính kèm 22 hồ sơ) 2.1. Tên: 2.2. Địa chỉ:..... 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất: 3.1.1. Thửa đất số: 266; Tờ bản đồ số: 19; 3.1.2. Địa chỉ tại: Dự án Khu nhà ở cao tầng Tân Kiểng, 35/12 Bế Văn Cầm, phường Tân Kiểng, Quận 7 (nay là phường Tân Hưng) Thành phố Hồ Chí Minh; 3.1.3. Giá đất: 56.700.000 đồng/m ² (đường Bế Văn Cầm/trộn đường; Vị trí 1). - Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng giá đất theo bảng giá):.....m ² . - Giá đất cụ thể:.....m ² . - Giá trúng đấu giá:.....m ² . - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:..... 3.1.4 Diện tích thửa đất: 3.707,0 m ² - Diện tích sử dụng chung: 3.707,0 m ² - Diện tích sử dụng riêng:m ² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m ² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m ² - Diện tích đất trong hạn mức:.....m ² - Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m ²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:..... 3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị 3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....; 3.1.9. Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp.
3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: (theo danh sách đính kèm 22 hồ sơ) 3.2.1. Loại nhà ở, công trình; cấp hạng nhà ở, công trình: -/- ; 3.2.2. Diện tích sử dụng: m²; 3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²; 3.2.4. Hình thức sở hữu: sở hữu chung; 3.2.5. Số tầng: 24 tầng + 01 hầm + sân thượng + mái che thang; 3.2.6. Nguồn gốc: -/- 3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: 2017; 3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm. Kết cấu: Tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.
IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH
- Tiền sử dụng đất:..... - Lệ phí trước bạ:.....
V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm: - Đơn Đăng ký; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT67829 ngày 16 tháng 11 năm 2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp; - Hợp đồng mua bán, các phụ lục hợp đồng và các văn bản chuyển nhượng (nếu có) giữa chủ đầu tư và người mua. - Bản vẽ sơ đồ căn hộ. <i>Ghi chú: Công ty Cổ phần Đầu tư Truth Home và người mua cung cấp thêm các chứng từ liên quan (nếu có) để Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh xác định nghĩa vụ tài chính cho các bên theo quy định.</i>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Sở NN&MT (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CPĐT Truth Home;
- Người mua nhà theo danh sách;
- Lưu: VT, ĐK.Đ.

BN:1197/21(22hs)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓



Thân Thế Hùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH 22 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
KHU THUƠNG MẠI - DỊCH VỤ - VĂN PHÒNG KHU NHÀ Ở CAO TẦNG TẠI PHƯỜNG TÂN KIẾN QUẬN 7 (NAY LÀ PHƯỜNG TÂN HƯNG) THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Đính kèm Phiếu chuyển số: 540 /PC-VPĐK-ĐK ngày 28 / 8 /2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố

STT	Số biên nhận	Họ tên chủ sở hữu	Địa chỉ căn hộ theo hợp đồng mua bán	Địa chỉ căn hộ cấp theo quyết định cấp Sổ nhà	Tháp	Tầng/Hầm	Tầng	DT thông thủy (làm tròn 1 số thập phân)	DT sàn (tính tường) (làm tròn 1 số thập phân)	Loại hình tài sản	Hình thức sử dụng
1	792747212021001197	Ông ĐỖ ĐỨC THỊNH Năm sinh: 1990 CCCD: 079090018240	T2-24.04	T2-24.04	Tháp T2	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	57.6	61.1	Căn hộ ở	Sở hữu riêng
2	792747212021001201	Bà PHẠM THỊ HOA Năm sinh: 1973 CCCD: 0331 7300 3661	T2-09.16	T2-09.16	Tháp T2	9/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	9	80.6	87.2	Căn hộ ở	Sở hữu riêng
3	792747212021001202	Ông PHÙNG HỮU KHAI Năm sinh: 1985 CCCD: 0790 8500 2930 Bà NGUYỄN PHẠM PHI ANH Năm sinh: 1985 CCCD: 0791 8503 8032	T2-20.15	T2-20.15	Tháp T2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	86.4	93.6	Căn hộ ở	Sở hữu chung
4	792747212021001204	Ông NGUYỄN DUY TÀI Năm sinh: 1990 CCCD: 0750 9002 1672 Bà NGUYỄN THỊ HỒNG Năm sinh: 1990 CCCD: 0641 9001 6080	T2-19.14	T2-19.14	Tháp T2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung
5	792747212021001207	Ông ĐỖ TRỌNG THẢO Năm sinh: 1964 CCCD: 0560 6400 6296 Bà THÂN THỊ TRÂM MY Năm sinh: 1967 CCCD: 0461 6700 8263	T2-12a.14	T2-12a.14	Tháp T2	12/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	12	63.4	68	Căn hộ ở	Sở hữu chung
6	792747212021001209	Ông NGUYỄN HỮU MINH TRIẾT Năm sinh: 1992 CCCD: 0480 9200 5447	T2-07.08	T2-07.08	Tháp T2	7/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	7	53.8	57.8	Căn hộ ở	Sở hữu riêng

Handwritten signature

Handwritten signature

7	792747212021001210	Ông NGUYỄN XUÂN SONG Năm sinh: 1956 CCCD: 0460 5600 9789 Bà NGUYỄN THỊ LAN Năm sinh: 1957 CCCD: 0791 5702 2477		T2-07.04	Tháp T2	7/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	7	56.8	61.1	Căn hộ ở	Số hữu chung
8	792747212021001212	Ông LÂM QUỐC BẢO Năm sinh: 1987 CCCD: 0790 8700 4817 Bà DIỆP TÓ TRINH Năm sinh: 1988 CCCD: 094188000400	T2-20.10	T2-20.10	Tháp T2	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	85.9	92.6	Căn hộ ở	Số hữu chung
9	792747212021001213	Ông NGUYỄN LÂM VƯƠNG Năm sinh: 1986 CCCD: 0680 8600 1434 Bà VÕ LÝ HẢI DƯƠNG Năm sinh: 1987 CCCD: 0681 8700 0202	T2-19.11	T2-19.11	Tháp T2	19/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	19	53.5	57.5	Căn hộ ở	Số hữu chung
10	792747212021001214	Ông NGUYỄN THANH BẢNG Năm sinh: 1990 CCCD: 0360 9000 7899 Bà PHÂN THỊ THANH NGÂN Năm sinh: 1994 CCCD: 0751 9401 3794	T2-22.13	T2-22.13	Tháp T2	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	63.1	68	Căn hộ ở	Số hữu chung
11	792747212021001217	Ông HỒ DUY PHƯƠNG Năm sinh: 1983 CCCD: 0620 8300 0018 Bà QUÁCH TUYẾT LIÊN Năm sinh: 1984 CCCD: 0791 8401 6526	T2-21.02	T2-21.02	Tháp T2	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	60.7	65.8	Căn hộ ở	Số hữu chung
12	792747212021001224	Ông HUỖNH DINH MINH ĐĂNG Năm sinh: 1991 CCCD: 0750 9101 2564 Bà HUỖNH THỊ MỸ KIỀU Năm sinh: 1990 CCCD: 0521 9000 8083	T1-B11.05	T1-B11.05	Tháp T1	11/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	11	63.4	68	Căn hộ ở	Số hữu chung
13	792747212021001225	Ông NGUYỄN MINH HOÀNG Năm sinh: 1977 CCCD: 0540 7700 3189 Bà TRẦN THỊ QUANG Năm sinh: 1982 CCCD: 0491 8200 3721	T1-B23.04	T1-B23.04	Tháp T1	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	63.4	68	Căn hộ ở	Số hữu chung
14	792747212021001227	Ông TRẦN VĂN SƠN Năm sinh: 1989 CCCD: 0310 8900 3764 Bà ĐỖ ÁNH TUYẾT Năm sinh: 1989 CCCD: 0311 8900 4470	T1-A23.01	T1-A23.01	Tháp T1	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	62.8	67.2	Căn hộ ở	Số hữu chung

15	792747212021001229	Bà ĐÌNH THỊ DIỄM THÚY Năm sinh: 1975 CCCD: 0791 7501 7834	T1-A20.06	T1-A20.06	Tháp T1	20/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	20	56.7	61.1	Căn hộ ở	Số hữu riêng
16	792747212021001231	Ông: ROBIN RÉGIS ANDRÉ CHRISTIAN Năm sinh: 1988; Quốc tịch: Pháp Bà MAI NGUYỄN NHẬT HOÀNG Năm sinh: 1989 CCCD: 0911 8900 8790	T1-A22.11	T1-A22.11	Tháp T1	22/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	22	86.6	93.5	Căn hộ ở	Số hữu chung
17	792747212021001234	Ông NGUYỄN TUẤN CƯỜNG Năm sinh: 1959 CCCD: 040 039 000 561 Bà NGUYỄN HỒNG NGỌC Năm sinh: 1966 CCCD: 077 166 001 397	T1-A16.09	T1-A16.09	Tháp T1	16/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	16	56.7	61.1	Căn hộ ở	Số hữu chung
18	792747212021001235	Bà LÊ THỊ THANH QUYÊN Năm sinh: 1995 CCCD: 0641 9500 3815	T1-A16.02	T1-A16.02	Tháp T1	16/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	16	63.2	68	Căn hộ ở	Số hữu riêng
19	792747212021001236	Bà TRẦN THỊ THÚY HÀ Năm sinh: 1980 CCCD: 0451 8000 1265	T1-A21.01	T1-A21.01	Tháp T1	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	62.8	67.2	Căn hộ ở	Số hữu riêng
20	792747212021001237	Ông ĐỖ ĐĂNG QUANG Năm sinh: 2000 CCCD: 0792 0002 8705	T1-A21.10	T1-A21.10	Tháp T1	21/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	21	58.5	62.9	Căn hộ ở	Số hữu riêng
21	792747212021001238	Ông NGUYỄN ĐỨC ĐÔNG NGHI Năm sinh: 1989 CCCD: 079 089 017 016	T1-A23.10	T1-A23.10	Tháp T1	23/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	23	58.5	62.9	Căn hộ ở	Số hữu riêng
22	792747212021001239	Ông VÕ TIẾN THỊNH Năm sinh: 1988 CCCD: 0560 8800 6918 Bà NGUYỄN HỒNG NGÂN Năm sinh: 1987 CCCD: 0011 8700 7771	T1-A24.01	T1-A24.01	Tháp T1	24/24 Tầng + hầm + sân thượng + mái che thang	24	62.8	67.2	Căn hộ ở	Số hữu chung

